

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 35/2022/DS-PT
Ngày 19 - 4 - 2022
V/v tranh chấp đòi tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Trương Thanh Dũng

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Lê Thanh Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Dương Thị Kiều Thảo – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Thân - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 127/2021/TLPT-DS ngày 14 tháng 12 năm 2021, về việc tranh chấp đòi tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 07/2022/QĐ-PT ngày 11 tháng 02 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: 1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959
2. Bà Lê Thị A, sinh năm 1962 (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Văn T: Bà Lê Thị A
Cùng địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Ông Lý Nhựt T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1), sinh năm 1985. Địa chỉ: Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của ông Lý Nhựt T1: Ông Huỳnh Thanh L, sinh năm 1983. Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Lý Văn L1 (chết ngày 09/12/2018)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Lý Văn L1:

- 1.1. Bà Tăng Thị H. Địa chỉ: Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu
1.2. Chị Lý Xuân D. Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.
1.3. Anh Lý Minh P. Địa chỉ: Không xác định được địa chỉ
1.4. Anh Lý Nhật T1. Địa chỉ: Không xác định được địa chỉ
1.5. Chị Lý Thị H. Địa chỉ: Ấp Xóm Lớn A, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2. Anh Lý Nhật L2 (chết năm 2013)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ của anh Lý Nhật L2:

2.1. Chị Lý Thu T2. Địa chỉ: Ấp Do Thới, xã Vĩnh Mỹ A, huyện Hòa Bình, tỉnh Bạc Liêu.

2.2. Anh Lý Quốc H1. Địa chỉ: Ấp D, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (yêu cầu xét xử vắng mặt).

3. Chị Lý Xuân T3 (tên gọi khác Lý Mộng T3). Địa chỉ: Ấp V, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Ông Lý Nhựt T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1). Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Tăng Thị H, chị Lý Xuân D, chị Lý Thị H, chị Lý Thu T2, chị Lý Xuân T3: Ông Lý Nhựt T1. Địa chỉ: Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

5. Bà Chung Thị Việt C, sinh năm 1982. Địa chỉ: Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu (yêu cầu xét xử vắng mặt).

6. Ngân hàng T

Địa chỉ: Số 266-268 đường N, phường 8, quận 3, thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Đức Thạch D, chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quốc C, chức vụ: Trưởng phòng giao dịch huyện Hòa Bình. (có mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn Ông Lý Nhựt T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1), sinh năm 1985. Địa chỉ: Địa chỉ Ấp X, xã V, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A trình bày: Trước đây, vợ chồng ông bà có nhận chuyển nhượng của ông Lý Nhựt T1 23 công đất với giá 35.000.000 đồng/công đất, tổng cộng là 805.000.000 đồng; giảm 5.000.000 đồng còn 800.000.000 đồng. Có làm hợp đồng chuyển nhượng đất và đã sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông bà. Lúc đó ông T1 có nói nếu thiếu đất thì đền và nếu có dư thì trả tiền cho ông T1, chỉ bằng lời nói, không làm giấy tờ. Vợ chồng bà đã trả cho ông Tân số tiền 700.000.000 đồng, còn nợ lại ông T1

100.000.000 đồng, có làm biên nhận với ông Lý Văn L1 là cha ruột của ông T1. Sau đó, ông bà đã trả cho ông T1 được 45.000.000 đồng nợ gốc và đóng lãi cho ông T1 với lãi suất là 4%/tháng được tổng cộng 72.400.000 đồng, nhưng không làm biên nhận.

Ngày 02/12/2018 có đoàn đo đạc đất, ông bà mới biết việc thiếu đất nên nói với ông T1 là thiếu đất, ông T1 nói đã làm sổ đỏ, thiếu đủ gì là việc của ông bà. Như vậy, ông T1 giao đất cho vợ chồng ông bà còn thiếu 02 công đất so với hợp đồng chuyển nhượng đất. Nay ông bà yêu cầu vợ chồng ông Lý Nhật T1, bà Chung Thị Việt C trả lại cho ông bà tiền chuyển nhượng 02 công đất là 70.000.000 đồng (35.000.000 đồng/công đất) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/02/2017 cho đến nay, yêu cầu đối trừ số tiền đã thanh toán cho ông T1 theo quy định của pháp luật.

Bị đơn ông Lý Nhật T1 trình bày: Trước đây, ông có chuyển nhượng cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A 23 công đất. Khi ông T, bà A trả tiền thì ông đã giao đất đủ, ông T, bà A còn nợ lại ông 100.000.000 đồng. Khi đó hai bên có thỏa thuận lãi suất là 4%/tháng. Ông T, bà A chỉ đóng lãi cho ông được 24.000.000 đồng, không phải 72.400.000 đồng như ông T, bà A trình bày. Đối với số tiền gốc 45.000.000 đồng theo như ông T và bà A xác định trả tiền gốc thì ông T thừa nhận có trả nhưng là trả cho khoản vay 100.000.000 đồng khác, tuy nhiên biên nhận nợ sau khi ông T, bà A trả xong tiền, đã xé bỏ nên không có giấy tờ chứng minh và cũng không có ai làm chứng.

Do đó, ông yêu cầu ông T, bà A trả tiền gốc 100.000.000 đồng và tiền lãi. Đối với yêu của ông T bà A yêu cầu ông trả lại tiền chuyển nhượng 02 công đất là 70.000.000 đồng (35.000.000 đồng/01 công đất) và tiền lãi theo quy định pháp luật từ ngày 15/02/2017 cho đến nay thì ông không đồng ý, vì ông đã giao đủ đất cho ông T, bà A.

Từ nội dung nêu trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu đã tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A đòi ông Lý Nhật T1 và bà Chung Thị Việt C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A số tiền 99.592.000 đồng (trong đó gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 29.592.000 đồng tiền lãi).

Buộc ông Lý Nhật T1 và bà Chung Thị Việt C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A số tiền 99.592.000 đồng (trong đó gồm 70.000.000 đồng tiền gốc và 29.592.000 đồng tiền lãi).

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lý Nhật T1 buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A trả số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn thiếu là 47.239.000 đồng.

Buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A có nghĩa vụ trả cho ông Lý Nhật T1 số tiền 47.239.000 đồng.

Không chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lý Nhật T1 đối với ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A đòi số tiền 52.761.000 đồng.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, ông Lý Nhật T1 kháng cáo yêu cầu ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A trả cho ông số tiền sang đất 100.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật, yêu cầu đối chất giữa ông và người làm chứng Phạm Văn L và yêu cầu không chấp nhận yêu cầu của ông Nguyễn Văn T, bà Nguyễn Thị A đối với số tiền 97.492.000 đồng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Nhật T, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu, chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Xét kháng cáo của ông Lý Nhật T1, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Các bên đương sự thống nhất xác định ông Lý Nhật T1 chuyển nhượng cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A diện tích 23 công đất, với giá 35.000.000 đồng/công, tổng cộng là 805.000.000 đồng, nhưng ông T1 giảm 5.000.000 đồng, giá chuyển nhượng thực tế còn 800.000.000 đồng. Ông T, bà A thanh toán được 700.000.000 đồng, còn nợ lại 100.000.000 đồng thì ông T bà A làm biên nhận vay của ông T1 số tiền 100.000.000 đồng với lãi suất 4%/tháng.

[2.2] Ông T bà A cho rằng ông T1 giao đất thiếu 02 công so với hợp đồng chuyển nhượng, nên yêu cầu ông T1 hoàn lại số tiền 70.000.000 đồng tương đương với giá trị 02 công đất và yêu cầu tính lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày 15/02/2017 đến nay. Đối với số tiền 100.000.000 đồng làm biên nhận vay của ông T1 thì ông bà đã thanh toán được 45.000.000 đồng tiền gốc và

72.400.000 đồng tiền lãi. Phía ông T1 xác định ông đã giao đủ đất cho ông T bà A, nên không đồng ý theo yêu cầu của ông T bà A. Đối với số tiền 100.000.000 đồng ông T bà A làm biên nhận vay của ông thì ông T bà A chưa thanh toán được tiền gốc, chỉ mới thanh toán tiền lãi 24.000.000 đồng; còn số tiền gốc 45.000.000 đồng theo ông T bà A trình bày thì ông Tân xác định số tiền này ông T bà A trả cho khoản vay khác.

[2.3] Tại bản trích đo ngày 21/10/2019 đối với phần đất ông T chuyển nhượng cho ông T bà A có diện tích là 27.103m². So với diện tích đất các bên thỏa thuận chuyển nhượng 23 công, mỗi công 1.296m², là 29.808m² còn thiếu 2.795m². Ông T1 cho rằng khi chuyển nhượng hai bên có thỏa thuận bằng lời nói thêm phần diện tích đến nửa kênh thủy lợi. Tuy nhiên, phía ông T bà A xác định không có việc thỏa thuận này. Mặt khác, phần đất kênh thủy lợi là của nhà nước quản lý, không phải đất của ông T1, nên ông T1 không có quyền chuyển nhượng phần đất kênh thủy lợi. Xét thấy, ông T1 chuyển nhượng đất cho ông T bà A 23 công tầm cây, nhưng ông T1 chỉ giao được 21 công, trong khi ông T bà A đã giao ông Tân đủ số tiền 23 công, nên Tòa án cấp sơ thẩm buộc vợ chồng ông T1 bà C hoàn lại số tiền 70.000.000 đồng và lãi suất 9%/năm từ ngày 15/02/2017 đến ngày xét xử sơ thẩm với số tiền 29.592.000 đồng cho ông T bà A là phù hợp, đúng quy định của pháp luật. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo này của ông T1.

[2.4] Ông T1 yêu cầu ông T bà A trả 100.000.000 đồng tiền chuyển nhượng đất còn thiếu, hai bên xác định khi giao tiền nhận chuyển nhượng đất ông T, bà A còn nợ lại của ông T 100.000.000 đồng, tính lãi 4%/tháng từ ngày 15/02/2017. Ông T, bà A xác định đã thanh toán được 45.000.000 đồng gốc và 72.400.000 đồng tiền lãi. Ông T1 xác định ông T, bà A chỉ thanh toán được 24.000.000 đồng tiền lãi, còn tiền gốc 45.000.000 đồng ông T bà A thanh toán cho khoản vay khác. Tuy nhiên, ông T1 không chứng minh được có khoản vay nào khác, phía ông T bà A xác định giữa hai bên không có khoản vay nào khác. Do đó, có căn cứ xác định ông T, bà A đã thanh toán được 45.000.000 đồng tiền gốc, còn nợ lại 55.000.000 đồng kể từ ngày 15/7/2018. Đồng thời, có căn cứ chấp nhận yêu cầu tính lãi suất từ ngày 15/02/2017 đến ngày 15/7/2018 đối với số tiền 100.000.000 đồng ($100.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 01 \text{ năm } 05 \text{ tháng} = 28.333.000 \text{ đồng}$) và lãi suất từ ngày 16/7/2018 đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 26/10/2021 ($55.000.000 \text{ đồng} \times 20\%/\text{năm} \times 03 \text{ năm } 03 \text{ tháng } 11 \text{ ngày} = 36.085.000 \text{ đồng}$). Như vậy, ông T bà A phải thanh toán tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi 64.418.000 đồng. Đối trừ số tiền lãi ông T và bà A đã thanh toán 24.000.000 đồng, nên ông T bà A còn phải thanh toán tiền lãi 40.418.000 đồng và tiền gốc 55.000.000 đồng. Do đó, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông T1 về việc tính lại lãi suất.

[3] Từ những phân tích nêu trên, có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Nhựt T1 và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[4] Về chi phí tố tụng là 1.660.000 đồng, ông Lý Nhựt T1 và bà Chung Thị Việt C phải chịu 830.000 đồng, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A phải chịu 830.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A đã nộp 1.660.000 đồng, ông Lý Nhựt T1 và bà Chung Thị Việt C trả lại cho ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A số tiền 830.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

[5] Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Nhựt T1 phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà A 4.979.600 đồng, đồng thời phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 229.000 đồng. Ông Lý Nhựt T1 đã dự nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng tại biên lai thu số 0005606 ngày 28/6/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện H được đối trừ, ông Lý Nhựt T1 còn phải nộp thêm số tiền 2.708.600 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A phải chịu án phí 4.770.900 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A đã dự nộp tạm ứng án phí 1.750.000 đồng tại biên lai thu số 0014587 ngày 27/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện H được đối trừ, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A còn phải nộp thêm số tiền 3.020.900 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Nhựt T1 không phải chịu. Ông Lý Nhựt T1 đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002761 ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu sẽ được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Chấp nhận một phần kháng cáo của ông Lý Nhựt T1 (tên gọi khác Lý Nhựt T1), sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 43/2021/DS-ST ngày 26 tháng 10 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 92 và Điều 165 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; Điều 203 Luật đất đai năm 2003; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A đòi ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) và bà Chung Thị Việt C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A 70.000.000 đồng tiền gốc và 29.592.000 đồng tiền lãi.

Buộc ông Lý Nhật T2 (tên gọi khác Lý Nhật T2) và bà Chung Thị Việt C có nghĩa vụ trả cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A 70.000.000 đồng tiền gốc và 29.592.000 đồng tiền lãi.

2. Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) buộc ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A trả số tiền nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất còn nợ là 95.388.887 đồng (trong đó tiền gốc 55.000.000 đồng và tiền lãi 40.388.887 đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về chi phí tố tụng là 1.660.000 đồng, ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1), bà Chung Thị Việt C phải chịu 830.000 đồng, ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A phải chịu 830.000 đồng. Ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A đã nộp 1.660.000 đồng, ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1), bà Chung Thị Việt C trả lại cho ông Nguyễn Văn T, bà Lê Thị A số tiền 830.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

4. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) phải chịu án phí đối với nghĩa vụ thanh toán cho ông T, bà A 4.979.600 đồng, đồng thời phải chịu án phí đối với yêu cầu phản tố không được chấp nhận là 230.555 đồng. Ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) đã dự nộp tạm ứng án phí 2.500.000 đồng tại biên lai thu số 0005606 ngày 28/6/2019 của chi cục thi hành án dân sự huyện H được đối trừ, ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) còn phải nộp thêm số tiền 2.710.155 đồng. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Lê Thị A phải chịu án phí 4.769.444 đồng. Ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A đã dự nộp tạm ứng án phí 1.750.000 đồng tại biên lai thu số 0014587 ngày 27/12/2018 của chi cục thi hành án dân sự huyện H được đối trừ, ông Nguyễn Văn T và bà Lê Thị A còn phải nộp thêm số tiền 3.019.444 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện H.

Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) không phải chịu. Ông Lý Nhật T1 (tên gọi khác Lý Nhật T1) đã nộp tạm ứng số tiền 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0002761

ngày 15/11/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Bạc Liêu sẽ được đối trừ khi thu án phí sơ thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện H;
- CCTHADS huyện H;
- Đường sự;
- Lưu: HSVA, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thanh Dũng